

TOP 4 BÀI VĂN HAY: THUYẾT MINH VỀ CHÙA DÂU Ở BẮC NINH TUYỂN CHỌN

Bài văn mẫu: Thuyết minh về chùa Dâu ở Bắc Ninh - Số 1

Bắc Ninh là vùng đất cổ kính, nổi tiếng với những làn điệu quan họ ngọt ngào, tha thiết; các di tích chùa, đình, miếu, mạo nhiều bậc nhất cả nước. Bên cạnh chùa Phật Tích, một trong những di tích cổ xưa nhất, có ý nghĩa sâu sắc nhất đối với đời sống tinh thần người Bắc Ninh chính là chùa Dâu, một cô tự mang đậm dấu ấn Phật giáo vốn rất thịnh hành từ xưa đến nay ở vùng đất này.

Chùa Dâu còn có tên chùa Cả, Cổ Châu Tự, Diên Ứng Tự. Đây là nơi hình thành và phát triển sớm nhất của Phật giáo Việt Nam. Chùa Dâu là một danh lam bậc nhất của xứ kinh Bắc xưa nay gắn với kỳ tích chùa trăm gian, tháp chín tầng, cầu chín nhịp

Chùa Dâu được xây dựng vào buổi đầu Công Nguyên (khoảng từ năm 187 và hoàn thành năm 226) Đây là ngôi chùa lâu đời nhất và gắn liền với lịch sử văn hóa, Phật giáo Việt Nam. Từ buổi đầu sơ khai cho đến tận ngày nay, chùa đã trải qua nhiều lần phục dựng, trùng tu do sự hủy hoại của thời gian và chiến tranh.

Sự phát triển mạnh mẽ của dòng phái Nam Tông từ Ấn Độ truyền bá sang, kết hợp với ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa, khiến chùa Dâu trở thành trung tâm của phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi, nơi trụ trì của nhiều cao tăng Việt Nam, Ấn Độ và Trung Quốc đến để nghiên cứu, biên soạn, phiên dịch kinh Phật, đào tạo tăng ni. Một thời, nơi đây được coi như là trung tâm của Phật giáo nước ta.

Cũng như nhiều chùa chiền trên đất Việt Nam, chùa Dâu được xây dựng theo kiểu “nội công ngoại quốc”. Bốn dãy nhà liên thông hình chữ nhật bao quanh ba ngôi nhà chính: tiền đường, thiêu hương và thượng điện.

Tiền đường của chùa Dâu đặt tượng Hộ pháp, tám vị Kim Cương; Gian thiêu hương đặt tượng Cửu Long, hai bên có tượng các vị Diêm Vương, Tam châu Thái tử, Mạc Đĩnh Chi. Thượng điện để tượng Bà Dâu (Pháp Vân), Bà Đậu (Pháp Vũ), và các hậu cận. Các pho tượng Bồ tát, Tam thế, Đức ông, Thánh tăng được đặt ở phần hậu điện phía sau chùa chính.

Ở gian giữa chùa có tượng Bà Dâu, hay nữ thần Pháp Vân, uy nghi, trầm mặc, màu đồng hun, cao gần 2m được bày ở gian giữa. Tượng có gương mặt đẹp với nốt ruồi to đậm giữa trán gợi liên tưởng tới những nàng vũ nữ Ấn Độ, tới quê hương Tây Trúc. Ở hai bên là tượng Kim Đồng và Ngọc Nữ. Phía trước là một hộp gỗ trong đặt Thạch Quang Phật là một khối đá, tương truyền là em út của Tứ Pháp.

Bên trái của thượng điện có pho tượng thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi, vị tổ sư sáng lập phái thiền tông ở Việt Nam đã từng đến kiết trụ thiền định ở chùa này. Bức tượng được đặt trên một kệ gỗ hình sư tử đội tòa sen, có thể có niên đại thế kỷ 14.

Giữa sân chùa trải rộng là cây tháp Hòa Phong. Tháp xây bằng loại gạch cỡ lớn ngày xưa, được nung thủ công tới độ có màu sẫm già của vại sành. Thời gian đã lấy đi sáu tầng trên của tháp, nay chỉ còn ba tầng dưới, cao khoảng 17 m nhưng vẫn uy nghi, vững chãi thế đứng ngàn năm. Mặt trước tầng 2 có gắn bảng đá khắc chữ “Hòa Phong tháp”. Chân tháp vuông, mỗi cạnh gần 7m. Tầng dưới có 4 cửa vòm.

Trong tháp, treo một quả chuông đồng đúc năm 1793 và một chiếc khánh đúc năm 1817. Có 4 tượng Thiên Vương cao 1,6 m ở bốn góc. Trước tháp, bên phải có tấm bia vuông dựng năm 1738, bên trái có tượng một con cừu đá dài 1,33 m, cao 0,8 m. Tượng này là dấu vết duy nhất còn sót lại từ thời nhà Hán.

Sự phát triển của chùa Dâu còn gắn chặt với truyền thuyết về phật mẫu Man Nương tạo nên nét độc đáo, thể hiện sự hòa quyện chặt chẽ giữa phật giáo và tín ngưỡng dân gian vô cùng đặc sắc của nhân dân Bắc Ninh. Mỗi dịp lễ hội hàng năm với sự diễn lại sự tích của các vị Tứ Pháp, Man Nương. Hội chùa Dâu đã biểu lộ sự sùng bái tín ngưỡng phồn thực cổ sơ của cư dân vùng lúa nước. Lễ hội được tổ chức với những nghi lễ trang nghiêm, trọng thể theo đúng phong tục truyền thống kỷ niệm ngày Phật mẫu Man Nương hạ sinh nữ nhi. Lễ hội có nhiều nghi thức sinh hoạt dân gian và nhiều trò diễn xướng phong phú, hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách thập phương, tín đồ, tăng, ni phật tử đến cúng lễ, dâng hương, dự hội.

Trải qua hàng ngàn năm, phần “lễ” của hội đã ít nhiều bị mai một, mặc dù vậy chúng ta vẫn nhận thấy chân nét đẹp, giá trị văn hóa truyền thống phản ánh đời sống tín ngưỡng đa dạng, sự sáng tạo phong phú của người xưa còn được lưu giữ đến ngày nay.

Di tích lịch sử chùa Dâu đi vào đời sống dân gian từ bao đời nay. Mặc dù ngày nay, di tích chùa Dâu không còn như xưa nữa nhưng ý nghĩa và giá trị của nó vẫn còn nguyên vẹn trong lòng con người:

Dù ai buôn đâu bán đâu,

Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về.

Dù ai buôn bán trăm nghề,

Nhớ ngày mồng tám thì về hội Dâu.

Bài văn mẫu: Thuyết minh về chùa Dâu ở Bắc Ninh - Số 2

Trong lòng người Việt Nam, mỗi ngôi chùa đều có vị trí vô cùng quan trọng. Đó là bởi vì mỗi ngôi chùa luôn gắn liền với tín ngưỡng thờ cúng của nhân dân ta. Vào đầu năm mới,

mọi người thường có thói quen đi chùa cầu may mắn. Một trong những điểm đến thu hút nhiều khách du lịch chính là chùa Dâu. Đây là một ngôi chùa với nhiều giá trị lịch sử văn hóa.

Chùa Dâu hay còn được biết đến với một tên gọi khác đó là chùa Diên Ứng, Pháp Vân, Tân Cổ tọa lạc tại xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, cách thủ đô Hà Nội khoảng 30 km. Đây là một ngôi chùa có lịch sử hình thành xa xưa nhất trong những ngôi chùa của Việt Nam, được khởi lập vào năm 187 và hoàn thành năm 226 vào thế kỷ 2 sau Công Nguyên. Chùa có tên gọi chùa Dâu là bởi chùa nằm ở vùng dâu, tức khu vực Luy Lâu thời thuộc Hán. Trải qua thời gian, đến năm 1313 chùa được xây dựng lại và được tiếp tục trùng tu.

Về kiến trúc, chùa được thiết kế với bốn dãy thông với nhau bao gồm: tiền đường, thiêu hương và thượng điện. Tiền đường là nơi thờ Hộ Pháp, tám vị Kim Cương. Thiêu Hương thờ tượng Cửu Long và các vị Diêm Vương, Tam Châu Thái tử và Mạc Đĩnh Chi. Khu Thượng điện được sử dụng thờ Bà Dâu và Bà Đậu. Tại khu chùa phía sau có thờ các tượng như Bồ Tát, Tam Thế Đức Ông, Thánh Tăng... Đặc điểm của những pho tượng thờ ở nơi đây vô cùng uy nghi và trầm mặc. Ấn tượng nhất có thể nói đến là tượng Bà Dâu, tượng có độ cao khoảng gần 2m, màu đồng với gương mặt đẹp và nốt ruồi to đậm giữa trán. Bên cạnh tượng Bà Dâu là hai tượng Kim Đồng Ngọc Nữ. Giữa sân của ngôi chùa chính là Tháp Hòa Phong, đây là tháp được Mạc Đĩnh Chi cho xây dựng gồm chín tầng tượng trưng cho ngọn núi vũ trụ. Trải qua ra sự tàn phá của thời gian cũng như những thăng trầm của lịch sử, hiện nay tòa tháp này chỉ còn ba tầng, tuy nhiên vẫn đem lại cảm giác uy nghiêm vững chãi. Mặt trước tháp là bảng khắc tên Hòa Phong, bên trong khu tháp này có một chuông bằng đồng và một chiếc chuông khánh được đúc vào những năm 1793 và 1817. Bên cạnh đó còn có tượng Thiên Vương trấn ở bốn góc tháp. Đằng trước tháp có một bia đá và bên trái có tượng một con cừu đá.

Hàng năm, ban quản lý khu di tích chùa Dâu đều tổ chức những lễ hội rất long trọng. Hội chùa Dâu được mở trong ba ngày từ mùng 7 đến mùng 9 âm lịch. Tại đây có một số hoạt động như rước kiệu Phật và những trò chơi dân gian truyền thống như múa trống, cướp nước, ngoài ra còn có một số hoạt động văn hóa bên lề như hát chầu văn hát chèo...

Chùa Dâu thu hút rất nhiều du khách bởi giá trị lịch sử và văn hóa lâu đời. Người dân khắp mọi nơi đổ về chùa Dâu như một cuộc hành hương nhằm cầu mong phúc lành. Một yếu tố khiến chùa Dâu thu hút rất nhiều du khách du lịch đó chính bởi chùa là nơi rất linh thiêng. Trong lịch sử, vua Lý Thánh Tông khi về chùa Dâu cầu con đã gặp được Nguyên Phi Ý Lan. Đến với chùa Dâu, ngoài việc được chiêm ngưỡng ngôi chùa cổ kính, ta còn có cơ hội chiêm ngưỡng những bức tượng được đúc công phu. Chùa Dâu mang giá trị lịch sử vì ngôi chùa này gắn liền với rất nhiều những truyền thuyết dân gian về Mạc Đĩnh Chi hay về Hai Bà Trưng,....

Đến với chùa Dâu là đến với một nơi thanh lọc để tâm hồn ta trở nên hướng thiện hơn. Dù bị tàn phá bởi thời gian như thế nào chăng nữa thì ngôi chùa này vẫn trở thành một

điêm đến du lịch, một niềm tự hào của người dân Kinh Bắc, cũng là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam. Mỗi chúng ta cần có ý thức bảo vệ giữ gìn để ngôi chùa ấy có thể linh thiêng, còn mãi...

Bài văn mẫu: Thuyết minh về chùa Dâu ở Bắc Ninh - Số 3

Lễ hội là tín ngưỡng văn hoá của mỗi dân tộc. Hầu như làng, xã nào cũng có lễ hội được tổ chức vào đầu xuân. Mọi người dân Thuận Thành, Bắc Ninh thường có câu ca:

Dù ai buôn dâu, bán dâu

Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về

Dù ai buôn bán trăm nghề

Nhớ ngày mồng tám thì về hội Dâu.

Câu ca dao như một lời nhắc nhở các tín đồ phật giáo hãy nhớ về hội Dâu được tổ chức vào đầu xuân hàng năm.

Hội Dâu được tổ chức vào mùng 8 tháng 4 âm lịch hàng năm. Chùa Dâu là một ngôi chùa cổ nhất Việt Nam, được xây dựng vào những năm đầu thế kỉ XV. Mặc dù vậy chùa Dâu vẫn giữ được những nét nguyên bản từ khi được xây dựng tới nay. Hàng năm, chùa Dâu thu hút rất nhiều tín đồ đến thắp hương, đặc biệt là vào dịp lễ hội. Vào mỗi dịp lễ hội, người dân háo hức tổ chức sửa sang chùa chiền. Ngay từ chiều mùng 7 đã có lễ rước các bà Dâu, bà Đậu, bà Dàn, bà Keo mà theo truyền thuyết bốn bà được tạc từ một cây dâu, chị cả là bà Dâu nên chùa Dâu được xây dựng lớn nhất. Đặc biệt vào ngày mồng 7, các vãi đến để cúng, quét dọn và làm lễ rửa chùa. Ngày hội chính diễn ra rất sôi động, náo nhiệt.

Mọi người đến đây với lòng thành kính, kính mong đức phật ban cho sự an lành, ấm no. Chùa có rất nhiều gian, điện, đặc biệt có pho tượng Kim Đồng - Ngọc Nữ đạt đến chuẩn mực nghệ thuật cao với các tỉ lệ của người thật. Hành lang hai bên có những pho tượng với nhiều tư thế, nét mặt khác nhau. Người ta đến lễ hội không chỉ để thắp hương, cầu an mà còn để vui chơi, đón không khí ngày xuân. Có rất nhiều trò chơi được tổ chức trong lễ hội như: đu quay, hát quan họ đối đáp, giao duyên giữa các liền anh, liền chị dưới thuyền rồng với những trang phục mớ ba, mớ bảy cổ truyền. Khắp sân chùa là những hàng bán đồ cúng, những nén hương trầm, hay những đồ chơi dân gian cho trẻ em như sáo, trống... hoặc chỉ là những bông lan thơm ngát. Tất cả tạo ra một không khí cộng đồng ấm cúng. Mọi người quên đi sự bận rộn, quên đi sự bon chen, thách thức để nhớ tới đức phật cùng sự thánh thiện, nhớ tới cõi bình an của tâm hồn. Khoảng 7 giờ sáng ngày 8/4, người ta đã nghe thấy tiếng chiêng, tiếng trống và tiếng cúng tế dâng sớ cầu mong bình an, lay tạ các vị thánh thần, phật pháp của đội tế lễ tứ sắc chùa lập ra.

Đặc biệt, ở lễ hội Dâu thờ Tứ Pháp là Pháp Vân (bà Dâu), Pháp Vũ, Pháp Điện, Pháp Lôi. Sau khi các cụ làm lễ xong, đoàn rước từ chùa Tổ bắt đầu quay về, hàng đoàn người kéo nhau đi theo hộ tống. Người đi đầu cầm bình nước, người thứ hai dâng hương, tiếp đó là đoàn kiệu được những trai tráng của làng khiêng. Họ mặc những trang phục như quân tốt đồ thời xưa, theo sau là các bà mặc áo nâu đội sớ. Người cầm nước vừa đi vừa cầm cành trúc vẩy nước vào những người xung quanh như ban sự may mắn cho mọi người. Người ta quan niệm rằng ai được vẩy nước vào sẽ may mắn, được Phật ban phước quanh năm và được Phật phù hộ, bảo vệ. Khi hội tan, mọi người về rồi thắp hương ở ngoài sân thờ nhớ lời hẹn gặp năm sau. Nhưng lạ lùng hơn hầu như năm nào sau hội trời cũng mưa và người dân cho đây là lễ tẩy chùa, ở một khía cạnh nào đó thì đây được coi như một điều linh nghiệm huyền bí.

Lễ hội thể hiện trình độ tổ chức cao, sự kết hợp giữa làng xã và ý thức cộng đồng, cuốn hút khách thập phương với những nét nghệ thuật, văn hoá đặc sắc, phong phú. Đối với Bắc Ninh, cái nôi của Phật giáo thì đây là dịp thể hiện sự tài hoa, tinh tế, lịch lãm trong văn hoá ứng xử, giao tiếp. Là một người con của Bắc Ninh, em cảm thấy tự hào về truyền thống của quê hương mình và em sẽ luôn có ý thức bảo vệ và gìn giữ những nét văn hoá ấy, đặc biệt là những lễ hội truyền thống mang đậm nét văn hoá dân tộc vào những ngày đầu xuân.

Bài văn mẫu: Thuyết minh về chùa Dâu ở Bắc Ninh - Số 4

Có ý kiến cho rằng: Trong nền văn hóa cổ nước ta có rất nhiều viên ngọc bị che lấp bởi lớp bụi thời gian mà nhiệm vụ của chúng ta là phải tìm tòi, bảo vệ cho nó sáng mãi. Khu di tích lịch sử văn hóa chùa Dâu là một viên ngọc như thế.

Xây dựng từ những năm đầu Công nguyên, chùa Dâu lại mang một giá trị đặc biệt của trung tâm truyền giáo đạo Phật đầu tiên ở nước ta. Chùa Dâu nay thuộc xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xưa thuộc Tống Khương, huyện Luy Lâu, quận Giao Chỉ.

Từ xa xưa người dân nơi đây thường sống bằng nghề trồng dâu nuôi tằm, dân gian vẫn thường gọi là vùng dâu hoặc kẻ dâu. Chát mộc mạc thôn dã và giản dị nơi đây đã góp phần không nhỏ tạo nên nét đẹp dân gian tự nhiên của chùa. Khoảng đầu Công nguyên một số nhà sư từ Ấn Độ đi theo đường biển vào Luy Lâu để truyền đạo. Nhanh chóng chùa đã trở thành một trung tâm truyền giáo đạo Phật đầu tiên để từ đây lan rộng sang Lạc Dương (Trung Quốc) và một số nơi khác. Bấy nhiêu thôi cũng đã đủ làm cho chúng ta tự hào và trân trọng bởi ý nghĩa của giá trị văn hóa nơi đây.

Nhưng không dừng lại ở đó, chùa còn đào tạo được 500 vị tăng ni, dịch được 15 bộ kinh, làm được hàng chục bảo tháp có các vị cao tăng nổi tiếng đã đến đây trụ trì như Mâu Bát, Pháp Hiền,;) Chi Y Cương Nương, Khâu Đà La... Ban đầu chùa Dâu chỉ là một cái am nhỏ, sau phát triển lên thành một ngôi chùa với tên gọi đầu tiên là Cổ Châu tự (nghĩa là

một viên ngọc quý). Đến thế kỷ thứ II sau Công nguyên (khoảng 187-226, thời Sĩ Nhiếp) hệ tư pháp được ra đời chùa Dâu thời bà Pháp Vân nên gọi là Pháp Vân tự.

Vào thế kỷ XIV (1313), có thể nói đây là đợt hưng công lớn nhất. Dưới đời vua Trần Nhân Tông, Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đã cho xây lên chùa to lớn như ngày nay: Chùa có hàng trăm gian, tháp chín tầng, cầu chín nhịp mà bao đời nay khách từ muôn phương vẫn về đây chiêm ngưỡng. Hành động ấy, việc làm ấy của ông cha ta thời xưa đã thể hiện ý thức dân tộc, sự tôn trọng, đề cao văn hóa, bản sắc dân tộc.

Chùa Dâu được coi là nơi rất thiêng liêng nên đã có lần chùa được gọi là Diên Ứng tự (tức cầu gì được nấy). Điều đó đã được minh chứng qua các đời vua của triều đại xa xưa cũng từng về chùa Dâu như vua Lý Thánh Tông cầu tự (tức cầu con) và gặp được nguyên phi Ý Lan khi đi thuyền trên sông Dâu. Năm Đinh Tị 1737 có rất nhiều vua chúa cung tần mỹ nữ qua lại lễ Phật cầu đảo thăm chùa, văn cảnh,...

Với diện tích khoảng 1730m² trên khu đất rộng bằng phẳng nằm cạnh sông Dâu, chùa được xây dựng mang đậm phong cách nghệ thuật, kiến trúc của thời Lý, Trần do được tu sửa vào thời kỳ này. Quan trọng nhất là tháp Hòa Phong, tháp có chín tầng song trải qua thời gian lịch sử lâu dài nay chỉ còn ba tầng có chiều cao khoảng 15m. Chân tháp hình vuông, trong lòng tháp có bốn bệ gạch bốn bên, trên mỗi bệ là một tượng hộ pháp bằng gỗ cao 1,6m. Ở tầng hai của tháp có biển đá khắc chữ “Hòa Phong tháp”. Đặc biệt hơn nữa tháp dùng để đặt các xá lị, bên trên là một chiếc khánh đồng và một chiếc chuông đồng lớn có niên đại từ 1893. Màu thời gian đã bao phủ lên tháp những lớp rong rêu xanh màu cổ kính. Song có thể nói giá trị của tháp Hòa Phong trong quần thể di tích chùa Dâu là không nhỏ bởi đã gây sự chú ý đặc biệt của khách du lịch thăm quan từ bốn phương về đây.

Đến với chùa Dâu ngoài cảnh quan đồ sộ, chúng ta còn được chiêm ngưỡng những pho tượng quý giá như Pháp Vân, Kim Đồng, Ngọc Nữ, những bức phù điêu chạm khắc trên những bức trổng, cốn, giá chiêng mà ngày nay ít khi có được. Tất cả đều được tạc và rèn đúc rất tinh xảo trong bàn tay các nghệ nhân đời xưa. Tiêu biểu đó là tượng Pháp Vân cao 1m85cm tạo trong thế ngồi ở tòa sen toàn thân sơn màu cánh dán. Với chân dung tai to, lông mày cong lá liễu, cổ cao ba ngón tay phải dơ 5 ngón lên trời, trong lòng bàn tay có một viên ngọc sáng. Nét thanh thoát, mềm mại của bức tượng đã toát lên vẻ nhân từ, độ lượng của nhà Phật thiêng liêng, cao quý. Ta còn nhận thấy rằng tín ngưỡng phật giáo Ấn Độ đan xen trong tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam như thờ các vị thần: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Gửi gắm vào đó là những mong ước cho mùa màng bội thu, cơm no áo ấm cho mọi chúng sinh của nhân dân khi trời đất được mưa thuận, gió hòa.

Một điểm đáng nói nữa trong công trình kiến trúc của chùa Dâu là hình trạm trổ trên đá. Đó là phong cảnh thiên nhiên chim muông, hoa lá, đặc biệt là rồng. Theo một số nhà nghiên cứu thì một số hiện vật bằng đá, gạch đất nung trang trí có hình vẽ rồng phần lớn là kiến trúc nghệ thuật rồng có niên đại vào thời Lý Trần. Con rồng không chỉ là biểu tượng văn hóa quý trong di sản văn hóa vật thể mà còn hiện diện rất phong phú trong di

sản văn hóa phi vật thể. Nó đi vào đời sống hôm nay như một nhu cầu văn hóa không thể thiếu trong các lễ hội. Ngày nay kiến trúc của chùa Dâu vẫn giữ nguyên như cũ: Nhà tiền thất, tháp Hòa Phong, Tiền Đường, tòa Tam Bảo, Thượng Điện, Hạ Điện, Hậu Đường, hai dãy hành lang,... Tuy nhiên thì cầu chín nhịp và Điện Tam quan đã không còn. Hằng năm cứ vào ngày 8 tháng 4 âm lịch, không ai bảo ai người dân từ thập phương đều kéo về nơi đây lễ Phật cầu may. Đó cũng là ngày hội chính của chùa Dâu, ngày mà bà Man Nương sinh hạ.

Hội Dâu mở trong 3 ngày: mùng 7, mùng 8, mùng 9 âm lịch với một quy chế rất chặt chẽ. 11 kiệu Phật được rước ra ngoài trời, đi khắp 12 làng xã trong Tổng Khương. Các kiệu Phật được phong áo rất lộng lẫy uy nghi. Gắn với lễ hội còn có các trò chơi dân gian như thi cướp nước, múa trống, múa gậy, múa sư tử. Ban đêm có hát chầu văn, hát chèo, hát trống quân,... Đi theo các pho tượng rước còn có các tán, long, tù và, trống chiêng... tất cả đã tạo nên cho ngày hội thêm đông vui, náo nhiệt.

Về với chùa Dâu ta còn được nghe kể rất nhiều chuyện, truyền thuyết dân gian về Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, về sự tích giữa ông Khâu Đà La và bà Man Nương đầy ly kỳ, hấp dẫn. Trong hiện tại và tương lai chùa Dâu mãi là một nơi mang đậm màu sắc dân tộc Việt Nam, là một nơi mang nhiều ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Không biết tự bao giờ, hội Dâu đã thành lịch trong dân gian với những câu ca quen thuộc:

Mùng bảy hội Khám

Mùng tám hội Dâu

Mùng chín đâu đâu

Cũng về hội Gióng.

Đồng thời chùa Dâu – hội Dâu đã trở thành tiếng gọi tâm linh đối với tất cả mọi người:

Dù ai đi đâu, về đâu

Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về

Dù ai buôn bán trăm nghề

Tháng tư, ngày tám, nhớ về hội Dâu.

Ngược dòng lịch sử, bóc trần từng lớp bụi thời gian ta mới thấy hết được ý nghĩa và vẻ đẹp truyền thống của khu di tích văn hóa chùa Dâu. Tôi tin rằng cả ngày hôm nay và mai sau viên ngọc quý đó sẽ mãi được trường tồn và bảo vệ bởi những lớp người tiên bộ của xã hội chủ nghĩa. Để chùa Dâu xứng đáng với tên gọi là một trung tâm Phật giáo đầu tiên của nước ta. Niềm tự hào ấy không chỉ của những người dân Kinh Bắc mà của cả dân tộc, của cả trang sử vẻ vang trong nét đậm đà bản sắc quê hương.

